

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023

Số: 333/TTDVĐGTS-NV

V/v đăng thông báo đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ khoản 3 Điều 14 Quyết định số 96/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về Quy định đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 11/2023/HĐDVĐGTS ngày 08/5/2023 giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản về việc ủy quyền đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý.

Ngày 09/5/2023, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản ban hành Thông báo số 330/TB-TTĐVĐGTS về việc thông báo đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý, có tổng giá khởi điểm: 92.148.513.650 đồng.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản kính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận đăng tải nội dung Thông báo số 330/TB-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản về việc đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý.

Trân trọng cảm ơn!

(Gửi kèm Thông báo số 330/TB-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Nghiêm Thiện

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 330/TB-TTĐVĐGTS Ninh Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Đấu giá Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Thuận thông báo đấu giá: Quyền sử dụng đất đối với 75 lô (đất ở) tại Khu dân cư Tri Thủy, xã Tri Hải (Bắc suối rách) huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải quản lý.

1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

TT	Thửa đất cần định giá	Độ rộng đường	Loại đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Bước giá (đồng)	Giá phải trả (đồng) trở lên	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)
I	Khu A									
1	Lô A-1	6m-15m-6m	02 MT Tinh lộ 704 và đường D2	177,50	14.030.500	2.490.413.750	25.000.000	2.515.413.750	500.000	498.000.000
2	Lô A-2	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
3	Lô A-3	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
4	Lô A-4	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
5	Lô A-5	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
6	Lô A-6	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
7	Lô A-7	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
8	Lô A-8	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
9	Lô A-9	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
10	Lô A-10	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
11	Lô A-11	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
12	Lô A-12	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
13	Lô A-13	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000
14	Lô A-14	6m-15m-6m	01 MT Tinh lộ 704	152,00	12.755.000	1.938.760.000	19.500.000	1.958.260.000	500.000	387.000.000

TT	Thửa đất cần định giá	Độ rộng đường	Loại đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Bước giá (đồng)	Giá phải trả (đồng) trở lên	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)
15	Lô A-15	6m-15m-6m	02 MT Tỉnh lộ 704 và đường D1	177,50	14.030.500	2.490.413.750	25.000.000	2.515.413.750	500.000	498.000.000
16	Lô A-16	3.5m-8m-3.5m	02 MT đường N1 và đường D1	139,50	10.022.100	1.398.082.950	14.000.000	1.412.082.950	500.000	279.000.000
17	Lô A-17	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
18	Lô A-18	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
19	Lô A-19	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
20	Lô A-20	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
21	Lô A-21	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
22	Lô A-22	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
23	Lô A-23	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
24	Lô A-24	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
25	Lô A-25	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
26	Lô A-26	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
27	Lô A-27	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
28	Lô A-28	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
29	Lô A-29	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
30	Lô A-30	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
31	Lô A-31	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
32	Lô A-32	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
33	Lô A-33	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
34	Lô A-34	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
35	Lô A-35	3.5m-8m-3.5m	02 MT đường D2 và N1	139,50	10.022.100	1.398.082.950	14.000.000	1.412.082.950	500.000	279.000.000
II	Khu B									
36	Lô B-1	3.5m-8m-3.5m	02 MT đường D2 và N1	139,50	10.022.100	1.398.082.950	14.000.000	1.412.082.950	500.000	279.000.000
37	Lô B-2	3.5m-8m-3.5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000

TT	Thửa đất cần định giá	Độ rộng đường	Loại đường	Diện tích (m ²)	Giá khôi điểm Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Bước giá (đồng)	Giá phải trả (đồng) trở lên	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)
38	Lô B-3	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
39	Lô B-4	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
40	Lô B-5	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
41	Lô B-6	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
42	Lô B-7	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
43	Lô B-8	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
44	Lô B-9	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
45	Lô B-10	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
46	Lô B-11	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
47	Lô B-12	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
48	Lô B-13	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
49	Lô B-14	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
50	Lô B-15	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
51	Lô B-16	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
52	Lô B-17	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
53	Lô B-18	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
54	Lô B-19	3,5m-8m-3,5m	01 MT đường N1	114,00	9.111.000	1.038.654.000	10.500.000	1.049.154.000	500.000	207.000.000
55	Lô B-20	3,5m-8m-3,5m	02 MT đường N1 và đường D1	139,50	10.022.100	1.398.082.950	14.000.000	1.412.082.950	500.000	279.000.000
56	Lô B-21	3m-5m-1m	02 MT đường D1 và đường N2	139,50	8.769.200	1.223.303.400	12.500.000	1.235.803.400	500.000	244.000.000
57	Lô B-22	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
58	Lô B-23	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
59	Lô B-24	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
60	Lô B-25	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000

TT	Thửa đất cần định giá	Độ rộng đường	Loại đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Bước giá (đồng)	Giá phải trả (đồng) trở lên	Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)
61	Lô B-26	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
62	Lô B-27	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
63	Lô B-28	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
64	Lô B-29	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
65	Lô B-30	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
66	Lô B-31	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
67	Lô B-32	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
68	Lô B-33	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
69	Lô B-34	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
70	Lô B-35	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
71	Lô B-36	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
72	Lô B-37	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
73	Lô B-38	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
74	Lô B-39	3m-5m-1m	01 MT đường N2	114,00	7.972.000	908.808.000	9.100.000	917.908.000	500.000	181.000.000
75	Lô B-40	3.5m-8m-3.5m	02 MT đường D2 và N2	139,50	10.022.100	1.398.082.950	14.000.000	1.412.082.950	500.000	279.000.000
Tổng cộng:						92.148.513.650	927.800.000	93.076.313.650	38.000.000	18.376.000.000

Tổng giá khởi điểm của 75 lô đất: **92.148.513.650 đồng** (Chín mươi hai tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm mười ba ngàn, sáu trăm năm mươi đồng). Giá này chưa bao gồm thuế và phí, lệ phí khác (nếu có).

Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn (ONT).

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá (Thu tiền một lần).

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Giá phải trả, bước giá:

a) Giá phải trả: từ giá khởi điểm + bước giá trở lên cho vòng đấu giá tiếp.

b) Bước giá vòng đấu gián tiếp là 1% giá khởi điểm của từng lô đất (làm tròn số). Trong trường hợp trả giá bằng bỏ phiếu gián tiếp có từ 02 người trở lên cùng trả giá cao nhất thì áp dụng hình thức đấu giá trực tiếp (*Bước giá là 1% của mức giá trả cao nhất của vòng đấu gián tiếp. Từ vòng đấu giá thứ hai trở đi của đấu giá trực tiếp. Bước giá là 1% của mức giá trả cao nhất của vòng đấu giá liền kề trước đó*).

3. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước

3.1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: có tại mục 1 của Thông báo đấu giá nêu trên.

*** Lưu ý:**

- Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá không được trả lại theo quy định tại Quy chế.

3.2. Tiền đặt trước: Nộp vào tài khoản số 61510000005608 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Ninh Thuận (từ 07 giờ 30 phút ngày 30/5/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 01/6/2023).

*** Lưu ý:**

- Khách hàng tham gia đấu giá không được nộp tiền đặt trước thay cho khách hàng khác trong cùng một lô đất.

4. Thời gian bán hồ sơ tham gia đấu giá: từ ngày 10/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 30/5/2023 trong giờ hành chính tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (địa chỉ: số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận) và Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải (địa chỉ: số 84 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

5. Thời gian và địa điểm xem tài sản: từ ngày 25/5/2023 đến ngày 26/5/2023 trong giờ hành chính tại nơi có tài sản tọa lạc (thôn Tri Thủy 2, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

6. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia và phiếu trả giá đấu giá

6.1. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

a) **Nộp hồ sơ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản:** từ ngày 10/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 29/5/2023 trong giờ hành chính (địa chỉ: số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).

b) **Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải:** từ 7 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút ngày 30/5/2023 trong giờ hành chính (địa chỉ: số 84 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

6.2. Thời gian, địa điểm nộp Phiếu trả giá tham gia đấu giá:

a) Từ 08 giờ 00 phút ngày 10/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 29/5/2023 trong giờ hành chính tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (địa chỉ: số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).



b) Từ 08 giờ 00 phút đến hết 17 giờ 00 phút ngày 30/5/2023 trong giờ hành chính tại **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Hải** (địa chỉ: số 84 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

6.3. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá:

a) Đơn đề nghị tham gia đấu giá phù hợp với lô đất; trong đơn cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá (theo mẫu);

b) Chứng từ nộp tiền đặt trước, biên lai thu tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá;

c) Bản sao Căn cước công dân;

d) Chấp nhận toàn bộ Quy chế và nội quy của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Ninh Thuận;

e) Đến thời điểm nộp hồ sơ tham gia đấu giá, người tham gia đấu giá không còn nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách khác trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

f) Giấy ủy Quyền (nếu ủy quyền cho người khác thay mình tham gia đấu giá). Giấy ủy quyền phải có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

7. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

a) Thời gian tổ chức đấu giá (công bố giá trả): vào hồi **08 giờ 00 phút ngày 02/6/2023 (thứ sáu)** đến khi tổ chức đấu giá hết số lô đất.

b) Địa điểm tổ chức đấu giá: tại **Hội trường Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải** (địa chỉ: số 376 đường Trường Chinh, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận).

8. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: Đấu từng lô đất. Đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp theo phương thức trả giá lên. Chi tiết xem tại Điều 10 Quy chế cuộc đấu giá số 331/QC-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023.

Địa chỉ liên hệ để biết thêm chi tiết: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Thuận, số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Điện thoại: 0259.3838038.

(kèm theo Quy chế cuộc đấu giá số 331/QC-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023)

Nơi nhận:

- Trung tâm PTQĐ huyện Ninh Hải (02 bản, 01 bản niêm yết tại trụ sở);
- UBND huyện Ninh Hải;
- UBND xã Tri Hải (Niêm yết);
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận;
- Trang thông tin điện tử huyện Ninh Hải;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu: VT, HS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Nghiêm Thiện

Số: 327/TB-TTĐVĐGTS

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO

Đấu giá xe ô tô hiệu FORD, loại RANGER2AW, biển số 85E-0191 là tài sản thanh lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Thuận thông báo đấu giá: 01 xe ô tô hiệu FORD, loại RANGER2AW, biển số 85E-0191, là tài sản thanh lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam.

1. Tài sản đấu giá: 01 xe ô tô biển số 85E-0191 đứng tên Ban Quản lý rừng phòng hộ Ninh Phước (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam), xe có đặc điểm và hiện trạng như sau:

Hiệu xe: FORD;	Số loại: RANGER2AW.
Nước sản xuất: Việt Nam;	Loại xe: Ô tô tải (PICKUP cabin kép);
Năm sản xuất: 2003;	Năm đưa vào sử dụng: 2003.
Màu sơn: Xanh;	Số chỗ ngồi: 05 chỗ.
Số máy: WLAT-366490;	Số khung: THDFDCMRRD3D01636.

Chất lượng: Đã quá thời gian sử dụng theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, hao mòn, khấu hao tài sản cố định. Xe hư hỏng, không đảm bảo yêu cầu sử dụng phục vụ công tác tuần tra, truy vết bảo vệ rừng.

2. Giá khởi điểm: 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Giá này chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí khác (nếu có).

3. Bước giá đấu giá: Do Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam quyết định (có Thông báo riêng).

4. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước

a) Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 150.000 đồng/bộ.

b) Tiền đặt trước: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tiền đặt trước nộp vào tài khoản số 61510000005608 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Ninh Thuận (từ 7 giờ 30 phút ngày 22/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 24/5/2023).

5. Thời gian bán hồ sơ tham gia đấu giá: từ ngày 10/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 22/5/2023 trong giờ hành chính tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (Địa chỉ: Số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).

6. Thời gian và địa điểm xem tài sản: Từ ngày 18/5/2023 đến ngày 19/5/2023 trong giờ hành chính tại Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam (Địa chỉ: Quốc lộ 1A xã Phước Nam huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận).

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá

a) Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: từ ngày 10/5/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 22/5/2023 trong giờ hành chính tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Thuận.

- b) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:
- Đơn đăng ký tham gia đấu giá (*mẫu do Trung tâm phát hành*);
 - Căn cước công dân của người tham gia đấu giá (*bản photocopy*); kèm theo bản gốc để đối chiếu.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu là doanh nghiệp (*bản sao có chứng thực*);
 - Chứng từ nộp tiền đặt trước, biên lai thu tiền bán hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá (*photocopy*);
 - Giấy uỷ quyền (nếu uỷ quyền) cho người khác thay mình tham gia đấu giá (có chứng thực của cơ quan tổ chức có thẩm quyền, nộp trước khi tổ chức cuộc đấu giá).

8. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

a) Thời gian tổ chức đấu giá: vào hồi **15 giờ 00 phút ngày 25/5/2023** (**Chiều thứ năm**).

b) Địa điểm tổ chức đấu giá: tại Hội trường Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (*Địa chỉ: Số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận*).

9. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá theo phương thức trả giá lên. Chi tiết xem tại Điều 10 Quy chế cuộc đấu giá số 328/QC-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023.

Địa chỉ liên hệ để biết thêm chi tiết: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Ninh Thuận. Địa chỉ: Số 94 đường 16 tháng 4, phường Mỹ Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Điện thoại: 0259.3838038.

(kèm theo Quy chế cuộc đấu giá số 328/QC-TTĐVĐGTS ngày 09/5/2023)

Nơi nhận:

- Ban Quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam;
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận;
- Người đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu: VT, HS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Nghiêm Thiện